

Số: 24/2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 92/2024/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 125/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2026.
2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

b) Quyết định số 55/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục KTVB và TCTH Pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai
- Lưu: VT, HCTC, TH, KTNS. (132b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Long



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong việc:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;
2. Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh;
3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;
5. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước:
 - a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;
 - b) Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương tại tỉnh Đồng Nai: gồm: Thuế tỉnh, Công an tỉnh, Thống kê tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XVIII, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 2, Bảo hiểm xã hội tỉnh;
 - c) Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
 - d) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý nhà nước cung cấp thông tin rộng rãi, không thu phí theo quy định của pháp luật.

2. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

3. *Cơ quan chức năng* là cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 quy chế này.

4. *Kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá, xử lý việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Thanh tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

6. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

7. *Giám sát doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc các cơ quan quản lý nhà nước theo nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên đối với hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc phạm vi, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật.

8. *Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là tư cách pháp lý, phản ánh trạng thái hoạt động hiện tại được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

9. *Tình trạng pháp lý của hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã* là tư cách pháp lý, phản ánh trạng thái hoạt động hiện tại được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

10. *Cơ quan đăng ký kinh doanh* là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính và Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường).

11. *Hợp tác xã* là tổ chức kinh tế tập thể được tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 gồm: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

12. Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng; tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp quản lý

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu và theo đúng quy định. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Kịp thời phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan Nhà nước về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức có liên quan trong tiếp cận các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp phải bảo đảm bí mật theo quy định pháp luật.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được quyền kinh doanh ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy

định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

6. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Điều 6. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ, tổng kết.
3. Tổ chức thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra.
4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH

Điều 7. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm:
 - a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp gồm: tên; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; thông tin về đơn vị phụ thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b) Thông tin đăng ký hợp tác xã gồm: tên; mã số hợp tác xã; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc tên đại diện của tổ hợp tác; vốn điều lệ đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổng giá trị phần vốn góp đối với tổ hợp tác; thông tin về đơn vị phụ thuộc và các thông tin đăng ký khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: tên, mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; thông tin về chủ hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp: đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; Đang làm thủ tục phá sản; Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại;

b) Thông tin về tình trạng pháp lý của đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp: đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; Đã chấm dứt hoạt động;

c) Thông tin về tình trạng pháp lý của hợp tác xã: đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; Đang làm thủ tục phá sản; Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại;

d) Thông tin về tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, đơn vị phụ thuộc hợp tác xã: đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; Đã chấm dứt hoạt động;

đ) Thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh: đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động; Đã chấm dứt hoạt động.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài (nếu có), Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Định kỳ vào trước ngày 10 hằng tháng, Sở Tài chính có trách nhiệm công khai danh sách các doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đã thực hiện các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trong tháng trước liền kề trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ <https://stc.dongnai.gov.vn>. Thông tin cung cấp, công khai bao gồm:

- a) Danh sách doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc đăng ký thành lập mới;
- b) Danh sách doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- c) Danh sách doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc tạm ngừng kinh doanh; hoạt động trở lại;
- d) Danh sách doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế;
- đ) Danh sách doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- e) Danh sách đơn vị phụ thuộc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động;
- g) Danh sách doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản;
- h) Danh sách đơn vị phụ thuộc đã chấm dứt hoạt động;
- i) Danh sách doanh nghiệp đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

Định kỳ vào trước ngày 10 hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai danh sách các hợp tác xã, hộ kinh doanh đã thực hiện các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã, hộ kinh doanh trong tháng trước liền kề trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thông tin cung cấp, công khai bao gồm:

- a) Danh sách hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký thành lập mới;
- b) Danh sách hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- c) Danh sách hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh;
- d) Danh sách hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trở lại;

đ) Danh sách hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế;

e) Danh sách hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản;

g) Danh sách đơn vị phụ thuộc hợp tác xã, hộ kinh doanh đã chấm dứt hoạt động;

h) Danh sách hợp tác xã đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

3. Trong quá trình hoạt động, trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế thực hiện trao đổi thông tin theo Quy trình điện tử giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Thông tin được trao đổi bằng phương thức điện tử giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Hệ thống thông tin đăng ký thuế có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy. Mỗi cơ quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và toàn vẹn của dữ liệu do hệ thống tạo ra và gửi đi.

4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

5. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh theo quy định. Sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc khai thác, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp trao đổi thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về doanh nghiệp, bao gồm công tác kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan chức năng khi ban hành các văn bản dưới đây, có trách nhiệm gửi cho Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở chính:

a) Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, xử lý vi phạm về hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh, quyết định chấm dứt việc đình chỉ hoạt động kinh doanh;

c) Văn bản thông báo việc doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế.

5. Theo yêu cầu của Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát để trao đổi, cung cấp thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn quản lý để làm cơ sở xác định, thiết lập tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý; đồng thời có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực được giao quản lý cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã, Thuế tỉnh Đồng Nai và các cơ quan chức năng khác để phục vụ công tác, nâng cao hiệu lực, hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý để phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn cấp xã cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản

xuất, kinh doanh của hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý, gửi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính để có thông tin tổng hợp báo cáo.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý có hành vi vi phạm pháp luật về hộ kinh doanh trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thuế tỉnh Đồng Nai là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế trên trang thông tin điện tử của Thuế tỉnh Đồng Nai.

3. Cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là đầu mối, có trách nhiệm công khai thông tin các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình hoặc bằng các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Định kỳ hàng tháng, các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp cho Sở Tài chính các thông tin sau:

a) Thông tin về giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp; văn bản về việc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp từ báo cáo thuế; báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

c) Phối hợp, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động doanh nghiệp để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Trên cơ sở các thông tin được cung cấp trên, Sở Tài chính chịu trách nhiệm thiết lập kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 12. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng dữ liệu điện tử qua mạng điện tử.

2. Các Cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bằng dữ liệu điện tử qua mạng điện tử. Khuyến khích các Cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh qua mạng điện tử kết nối giữa các Hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý.

3. Kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phản hồi không quá 05 ngày làm việc.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 13. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và xử lý vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp có hành vi vi phạm hành chính; yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của các Cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã; kiểm tra theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

2. Cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hằng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hằng năm của mình, các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác định cụ thể doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh dự kiến thanh tra, kiểm tra. Thủ trưởng cơ quan chức năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tham mưu, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động kiểm tra chuyên ngành với hoạt động thanh tra; phối hợp trong xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động kiểm tra với các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành khác.

a) Trước ngày 01 tháng 11 hằng năm, các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh năm sau liền kề của mình cho Thanh tra tỉnh.

b) Trước ngày 20 tháng 11 hằng năm, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, so sánh, đối chiếu các kế hoạch quy định tại điểm a khoản này, tổ chức họp với các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã để thống nhất nội dung kế hoạch thanh tra, kiểm tra nhằm giảm thiểu sự trùng lặp.

c) Trước ngày 25 tháng 11 hằng năm, căn cứ kết quả thống nhất với Thanh tra tỉnh quy định tại điểm b khoản này, các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh năm sau liền kề của mình theo đúng thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh năm sau liền kề của mình.

3. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã có kế hoạch kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn kiểm tra liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

b) Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì chuyển thông tin đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra, cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp

số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15. Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý địa bàn nơi hợp tác xã, hộ kinh doanh đặt trụ sở.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Sở Tài chính (Phòng Đăng ký kinh doanh) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) tiến hành kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể như sau:

a) Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng để xác minh, làm rõ các nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi có dấu hiệu giả mạo, gian dối hoặc vi phạm pháp luật;

b) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; người thành lập hộ kinh doanh thuộc đối tượng không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đó.

c) Thuế tỉnh có trách nhiệm xác minh việc doanh nghiệp, hợp tác xã ngừng hoạt động kinh doanh trên 12 tháng mà không thông báo với Cơ quan thuế, việc hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký trên 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

4. Trường hợp nhận được đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Trường hợp nhận được văn bản đề nghị thu hồi

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tuân thủ đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Trường hợp thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài, cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Tài chính chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

4. Khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị ra Thông báo yêu cầu tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài đối với hợp tác xã hoặc ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với hộ kinh doanh.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của cơ quan đăng ký kinh doanh; Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi

không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho Sở Tài chính và cơ quan quản lý nhà nước quản lý chuyên ngành để phối hợp xử lý.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 18. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã về các nội dung sau:

a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

d) Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh về hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi được phân công quản lý và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 2, Điều 18 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Quy chế này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo.

4. Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm, Sở Tài chính dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 18 Quy chế này, đồng gửi Bộ Nội vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm chung của các cơ quan chức năng

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, từ đó thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 và pháp luật chuyên ngành;

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quy định của pháp luật chuyên ngành trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của ngành; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các quy định về điều kiện kinh doanh, xử lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính danh sách các doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Tăng cường quản lý, giám sát, xử lý vi phạm đối với các đối tượng có nguy cơ vi phạm pháp luật cao theo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành và thông tin cung cấp từ các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, các tổ chức, cá nhân khác;

đ) Tiếp tục củng cố, kiện toàn Đoàn kiểm tra liên ngành, các Đội kiểm tra liên ngành theo quy định (nếu có); tăng cường công tác kiểm tra đột xuất hoạt động của các cơ sở kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nhằm kịp thời phát hiện hành vi vi phạm để có biện pháp xử lý phù hợp;

e) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; chủ trì, phối hợp các sở,

ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức tuyên truyền, thực hiện Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

b) Chỉ đạo phối hợp, xây dựng, quản lý vận hành, cập nhật những thông tin vi phạm của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; quản lý, tổ chức thực hiện cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

c) Kịp thời tổng hợp danh sách doanh nghiệp thuộc trường hợp bán doanh nghiệp tư nhân, chuyên nhượng vốn góp, cổ phần của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty khi giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, gửi đến Thuế tỉnh Đồng Nai, Chi Cục Hải quan khu vực XVIII định kỳ hàng tháng, để tiến hành kiểm tra, thu thuế (nếu có) nhằm tránh thất thu cho ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác đăng ký và quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thuế tỉnh Đồng Nai

a) Rà soát, đối chiếu doanh nghiệp đã đăng ký mã số doanh nghiệp với danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký kinh doanh; cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã không hoạt động tại trụ sở đăng ký trên 12 tháng mà không thông báo với cơ quan thuế cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

b) Công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế;

c) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể; chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động đúng thời gian quy định.

d) Triển khai thực hiện việc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

đ) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan hải quan danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đề nghị thu hồi mã số doanh nghiệp hoặc không hoạt động ở nơi đăng ký trụ sở chính để phối hợp xử lý vi phạm;

e) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

4. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

c) Phối hợp với các sở, ngành và tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình điều tra, xử lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động;

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc xác định tư cách pháp nhân của tổ chức, nhân thân của người thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp pháp nhân, cá nhân đến từ nước ngoài;

đ) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Thanh tra tỉnh

a) Hướng dẫn cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của ngành, địa phương;

b) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

6. Ban quản lý các khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa bàn quản lý theo thẩm quyền;

b) Định kỳ hàng tháng hoặc ngay khi có phát sinh đột xuất, cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan các danh sách sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng đăng ký nhận đầu tư;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã không hoạt động hoặc hoạt động không đúng địa chỉ trụ sở đăng ký.

c) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật Quy chế này.

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, nghiên cứu kiến nghị đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý các hợp tác xã ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, các hợp tác xã không còn hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả theo quy định, định kỳ trước ngày 15/01 hằng năm có báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tuyên truyền, vận động các cơ sở kinh doanh hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa thực hiện phát triển kinh tế hợp tác, tổ hợp tác và hợp tác xã. Tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các Hợp tác xã điển hình tiên tiến, tổ chức các phong trào thi đua trong tổ chức Liên minh hợp tác xã tỉnh;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, xã viên và người lao động trong các hợp tác xã và các thành viên khác;

d) Phối hợp và tham gia cùng các đoàn kiểm tra liên ngành để giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hợp tác xã và đơn vị thành viên.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo phối hợp, xây dựng, quản lý vận hành, cập nhật những thông tin vi phạm của hợp tác xã, hộ kinh doanh vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh; quản lý, tổ chức thực hiện cung cấp thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh cho các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin về các doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cung cấp; tham gia quản lý, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn;

c) Phối hợp xác minh nội dung đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính;

d) Tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công trong công tác quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

9. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

a) Tuân thủ, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong quá trình thực hiện giám sát, thanh tra, kiểm tra.

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo nội dung quyết định thanh tra, kiểm tra; báo cáo thông tin chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp.

d) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước; sửa đổi, bổ sung và báo cáo kịp thời đối với các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ.

Điều 21. Kinh phí triển khai, thực hiện quy chế phối hợp

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

3. Khuyến khích Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện công tác giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
